

Bản án số: 211/2024/DS-ST

Ngày: 16-12-2024

"*Tranh chấp phân chia di sản thừa kế*"

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Dương Chiêu Hùng.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trịnh Văn Lộc

Bà Nguyễn Huỳnh Hoa

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Hồng Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 175/2022/TLST- DS ngày 31 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp phân chia di sản thừa kế” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 266/2024/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 9 năm 2024; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Thạch Thị Ngọc Á, sinh năm 1995; Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1975; Địa chỉ: Số B, ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Thạch Thị N, sinh năm 1984, Địa chỉ: khóm S, Phường B, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Tăng Thị B, sinh năm 1955, Địa chỉ: khóm S, Phường B, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tăng Thị B là ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1975; Địa chỉ: Số B, ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

2/ Ông Kim Văn L, sinh năm 1974; Địa chỉ: khóm S, Phường B, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

3/ Ông Đền Sà L1, sinh năm 1985; Địa chỉ: Số nhà C, khóm C, Phường B, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

4/ Bà Sơn Thị L2, sinh năm 1983; Địa chỉ: Số nhà C, khóm C, Phường B, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

5/ Bà Thạch Thị Tha R, sinh năm 1987; Địa chỉ: Đ khóm S, Phường B, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 27/7/2022 (BL01) của nguyên đơn bà Thạch Thị Ngọc Á cũng như quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Minh H trình bày: Cha bà Thạch Thị Ngọc Á là ông Thạch L3, sinh năm 1944 (đã chết) và mẹ là bà Tăng Thị B, sinh năm 1955. Cha, mẹ bà Á kết hôn với nhau năm 1980, khoảng năm 1986 cha bà Á có đem về nhà một bé gái khoảng 2 tuổi nói với mẹ bà Á là xin đưa bé này về nuôi cho vui nhà vui cửa, vì lúc này cha mẹ bà Á chưa có con, do đó mẹ bà Á đồng ý và nuôi người con này xem như con ruột trong gia đình và đặt tên Thạch Thị N. Đến năm 1987, cha mẹ bà Á nhận thêm một người con nuôi nữa và đặt tên là Thạch Thị Tha R. Mãi đến năm 1989 cha mẹ bà Á mới sinh được một người con gái đầu lòng và đặt tên là Thạch Thị N1 (Hiện) H1 và đến năm 1995 cha mẹ bà Á sinh bà Á. Như vậy, cha mẹ bà Á có tổng cộng 02 người con ruột và 02 người con nuôi. Năm 2018, chị gái bà Á là bà Thạch Thị N1 (Hiện) H1 đã chết (lúc chết chưa có chồng, con) và năm 2003 Thạch Thị Tha R cũng bỏ nhà đi từ đó đến nay không biết đi đâu. Đến năm 2021, cha bà Á là ông Thạch L3 cũng đã chết do nhiễm bệnh Covid 19. Cha bà Á chết không để lại di chúc. Lúc sinh thời cha mẹ bà Á có tạo lập được tài sản chung gồm 03 thửa đất: Thửa thứ nhất có diện tích khoảng 4.000m², có vị trí tứ cận như sau: Phía Đông giáp: Kim P, L, Thạch S; Phía Tây giáp: Sơn C, S, T. Phía Nam giáp: Thạch Sol. Phía Bắc giáp: Đường Đ (đường nông thôn); Thửa thứ hai: Có diện tích khoảng 800m², có vị trí tứ cận như sau: Phía Đông giáp Trần Thị Ú, Lâm Thị L4. Phía Tây giáp T. Phía Nam giáp S. Phía Bắc giáp Thạch M; Thửa thứ ba: Có diện tích khoảng 2.800m², có vị trí tứ cận như sau: Phía Đông giáp Thạch S. Phía Tây giáp L, L. Phía Nam giáp: S. Phía Bắc giáp Sơn K.

Tổng diện tích ba thửa đất này là khoảng 7.600m², ba thửa đất này là đất có cưu của ông bà của bà Á để lại cho cha mẹ bà Á, cha mẹ bà Á canh tác từ trước đến nay không tranh chấp với ai. Nhưng 03 phần đất này từ trước đến nay cha, mẹ bà Á chưa đăng ký cấp giấy CNQSDĐ nên không biết số thửa, tờ bản đồ và diện tích cụ thể từng thửa. Bà Á cũng đã liên hệ cán bộ địa chính Phường 2 nhờ kiểm tra số thửa, tờ bản đồ, diện tích nhưng cán bộ địa chính kiểm tra không thấy số thửa cũng như tờ

bản đồ, diện tích 03 thửa đất này mặc dù trên thực tế thì có 03 thửa đất này nhưng chưa thấy cập nhật những thông tin như đã nói trên. Vì vậy bà Á có làm đơn nhờ trưởng ban N2 xác nhận 03 thửa đất của cha mẹ bà Á trên thực tế tại địa phương. Sau khi cha bà Á chết, chị bà Á là bà Thạch Thị N lấy 02 thửa đất là tài sản chung của cha mẹ bà Á cho người khác thuê trồng hoa màu mà không thông qua ý kiến của bà Á và mẹ bà Á. Bà Á và mẹ đã yêu cầu bà N nhiều lần không được lấy đất của cha mẹ cho người khác thuê, nhưng bà N không chịu nghe mà còn thách thức bà Á. Bà Á đã có đơn nhờ chính quyền địa phương giải quyết, nhưng bà N không đi.

Nay tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế theo pháp luật tài sản của ông Thạch L3 chết không để lại di chúc cho bà Á và mẹ bà Á và bà N, bà Tha R theo quy định pháp luật đối với 03 thửa đất theo kết quả đo đạc thực tế tại thửa 440, tờ bản đồ số 9 (bản đồ chính quy thửa 198, tờ bản đồ số 29, có diện tích 3.770,0m²; thửa 482, tờ bản đồ số 9 (bản đồ chính quy thửa 257, tờ bản đồ 29) có diện tích 1.563,3m²; thửa 484, tờ bản đồ số 9 (bản đồ chính quy thửa 257, tờ bản đồ 29) nêu trên với diện tích 906,9m² và tài sản trên đất, yêu cầu chia bằng hiện vật. Đối với kết quả định giá thì người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thống nhất.

- Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tăng Thị B là ông Nguyễn Minh H trình bày: Tài sản chung của bà B với ông Thạch L3, phân nửa là tài sản của bà B, yêu cầu chia tài sản chung của ông Thạch L3, yêu cầu nhận nhà và hưởng một suất thừa kế của ông Thạch L3.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Thạch Thị N, ông Kim Văn L, ông Đền Sà L1, bà Sơn Thị L2, bà Thạch Thị Tha R, nhưng các đương sự không có văn bản gửi đến Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà Á. Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ bà N, ông L, ông L1, bà L2, bà Tha R để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà N, ông L, ông L1, bà L2, bà Tha R vắng mặt không có lý do, Tòa án đã ban hành thông báo cho N, ông L, ông L1, bà L2, bà Tha R biết kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ. Đồng thời, Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Bà N, ông L, ông L1, bà L2, bà Tha R cũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng bà N, ông L, ông L1, bà L2, bà Tha R vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, người đại diện

theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tăng Thị B chấp hành đúng pháp luật. Tuy nhiên sự chấp hành của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn lại chưa đúng pháp luật, chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp phân chia di sản thừa kế" là đúng quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Thẩm phán xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thạch Thị Ngọc Á về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Thạch L3 để lại là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa số 440, tờ bản đồ số 9 (bản đồ chính quy thửa 198, tờ bản đồ số 29) có diện tích 3.770,0m²; Thửa số 482, tờ bản đồ số 9 (bản đồ chính quy thửa 257, tờ bản đồ số 29) có diện tích 1.563,3m²; Thửa số 484, tờ bản đồ số 9 (bản đồ chính quy thửa 257, tờ bản đồ số 29) có diện tích 906,9m² cùng tọa lạc tại khóm S, Phường B, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng theo pháp luật và chia bằng giá trị.

Chia di sản thừa kế của của ông Thạch L3 theo pháp luật đối với giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc 03 thửa đất nêu trên tương ứng với 1/2 giá trị là 947.544.000 đồng thành 04 kỹ phần bằng nhau cho bà Tăng Thị B, bà Thạch Thị Ngọc Á, bà Thạch Thị N, bà Thạch Thị Tha R mỗi người được thừa hưởng một kỹ phần tương ứng với số tiền là 236.886.000 đồng. Riêng bà Tăng Thị B được nhận thêm 1/2 tài sản chung là 947.544.000 đồng. Bà Tăng Thị B được toàn quyền quản lý, sử dụng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa số 440, tờ bản đồ số 9 (bản đồ chính quy thửa 198, tờ bản đồ số 29) có diện tích 3.770,0m²; Thửa số 482, tờ bản đồ số 9 (bản đồ chính quy thửa 257, tờ bản đồ số 29) có diện tích 1.563,3m²; Thửa số 484, tờ bản đồ số 9 (bản đồ chính quy thửa 257, tờ bản đồ số 29) có diện tích 906,9m² cùng tọa lạc tại Khóm S, Phường B, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng và phải có nghĩa vụ hoàn trả giá trị di sản thừa kế được phân chia cho các đồng thừa kế còn lại của ông Thạch L3 cụ thể như sau: Hoàn trả cho bà Thạch Thị Ngọc Á, bà Thạch Thị N, bà Thạch Thị Thà R1, mỗi kỹ phần tương ứng với số tiền là 236.886.000 đồng. Do bà Thạch Thị N, bà Thạch Thị Thà R1 hiện nay đã đi khỏi địa phương nên tạm giao kỹ phần của bà Thạch Thị N, bà Thạch Thị Thà R1 cho bà Tăng Thị B quản lý.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thạch Thị Ngọc Á đối với bị đơn bà Thạch Thị N về phân chia di sản thừa kế bằng hiện vật. Về án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập xét xử đến lần thứ hai cho bị đơn bà Thạch Thị N; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Kim Văn L, ông Đền Sà L1, bà Sơn Thị L2, bà Thạch Thị Tha R nhưng các đương sự vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia di sản của người chết để lại nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp phân chia di sản thừa kế” là đúng quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là “Tranh chấp phân chia di sản thừa kế” theo quy định tại khoản 5 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và tài sản tranh chấp tại Khóm S, Phường B, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[4] Về thời hiệu khởi kiện: Theo quy định tại khoản 1 Điều 623 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì “...*Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, ..., kể từ thời điểm mở thừa kế...*” ông Thạch L3 chết năm 2021 đến năm 2022 bà Á có đơn yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Thạch L3 vẫn còn thời hiệu.

[5] Xét về hàng thừa kế, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở kết luận: Ông Thạch L3 (đã chết) và bà Tăng Thị B quá trình chung sống có 04 người con gồm 02 người con nuôi và 02 người con ruột nên xác định người ở hàng thừa kế thứ nhất là bà Tăng Thị B, bà Thạch Thị Ngọc Á, bà Thạch Thị N, Thạch Thị Ngọc H1 (đã chết), Thạch Thị Tha R được quy định điểm a khoản 1 Điều 651 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[6] Về nội dung vụ án:

[6.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Thạch Thị Ngọc Á yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết chia theo pháp luật tài sản của ông Thạch L3 và yêu cầu nhận hiện vật.

Theo biên bản thẩm định tài sản ngày 27/4/2023 tài sản thẩm định có sổ đo tứ cận như sau:

* Thừa đất số 440, tờ bản đồ số 9 (bản đồ chính quy thửa 198, tờ bản đồ số 29) có sổ đo tứ cận như sau:

+ Hướng Đông giáp thửa 417 có số đo 3,03m + 32,29m; giáp thửa 438 có số đo 39,10m, giáp thửa 439 có số đo 27,05m.

+ Hướng Tây giáp thửa 441 có số đo 38,38m; giáp phần còn lại thửa 440 có số đo 44,03m + 65,79m + 3,02m.

+ Hướng Nam giáp thửa 460 có số đo 64,15m.

+ Hướng Bắc giáp đường bê tông có số đo 20,48m.

Tổng diện tích 3.770,0m² (loại đất ODT 200m²; BHK 3.570m²)

+ Về tài sản trên đất: gồm 02 căn nhà: Căn nhà thứ nhất có chiều ngang 4,65m, dài 8,8m tổng diện tích 40,9m². Kết cấu: Nhà tường, vách tường, mái lợp toli xi măng, đòn tay gỗ, cửa gỗ, nền lót gạch men, xây dựng năm 2020; căn nhà thứ hai có chiều ngang 4,4m, chiều dài 8,8m. Tổng diện tích 38,9m². Kết cấu: mái lợp toli xi măng, đòn tay kẽm, vách gạch ống, nền xi măng, cửa gỗ xây dựng năm 2018.

+ Về cây trồng trên đất: gồm 03 cây bồ đề loại A, 01 cây vú sữa loại B, 05 cây bạch đàn loại A, 02 cây mít loại A, 01 cây cao loại C, 04 cây dừa loại A, 01 cây dừa loại C, 02 cây trà loại A, 02 cây bạch đàn loại C, 01 cây còng loại A, 30 cây chuối loại A.

* Thửa đất 482, tờ bản đồ 9 (bản đồ chính quy thửa 257, tờ bản đồ 29) có số đo tứ cận như sau.

+ Hướng Đông giáp thửa 460 có số đo 37,54m.

+ Hướng Tây giáp thửa 483 có số đo 43,30m.

+ Hướng Nam giáp thửa 484 có số đo 33,01m + 6,12m.

+ Hướng Bắc giáp thửa 459 có số đo 38,06m.

Tổng diện tích 1.563,3m² loại đất BHK.

- Về cây trồng trên đất: gồm 07 cây bạch đàn loại A.

* Thửa đất số 484, tờ bản đồ số 29 (bản đồ chính quy thửa 257, tờ bản đồ 29) có số đo tứ cận như sau:

+ Hướng Đông giáp thửa 460 có số đo 27,04m.

+ Hướng Tây giáp phần còn lại thửa 484 có số đo 29,61m.

+ Hướng Nam giáp thửa 507 có số đo 31,31m.

+ Hướng Bắc giáp thửa 482 có số đo 31,01m.

Tổng diện tích 906,9m² loại đất BHK.

- Tài sản trên đất gồm: 01 mã đất diện tích ngang 7,8m, dài 12,3m, diện tích mã đất 92,3m²; 03 cây trà loại A, 03 cây trà loại C, 02 cây trầm bông vàng loại A, 03 cây còng loại A, 01 bụi tre, 01 cây bạch đàn loại A, 01 cây dầu loại A, 01 cây sấu đầu loại A, 01 cây gòn loại A.

[6.2] Xét thấy, về giá trị tài sản tranh chấp theo kết quả định giá của Công ty cổ

phần G.

- Thửa đất số 440, tờ bản đồ số 9 (bản đồ chính quy thửa 198, tờ bản đồ số 29) diện tích $3.770,0m^2 \times 371.438 \text{ đồng}/m^2 = 1.400.321.922 \text{ đồng}$; căn nhà thứ nhất có giá trị 84.992.245 đồng; căn nhà thứ hai có giá trị 31.929.120 đồng; cây trồng trên đất có giá trị 51.296.000 đồng.

- Thửa đất 482, tờ bản đồ 9 (bản đồ chính quy thửa 257, tờ bản đồ 29) diện tích $1.563,3m^2 \times 100.700 \text{ đồng}/m^2 = 157.423.550 \text{ đồng}$; cây trồng trên đất có giá trị 28.000.000 đồng.

- Thửa đất số 484, tờ bản đồ số 9 (bản đồ chính quy thửa 257, tờ bản đồ 29) diện tích $906,9m^2 \times 100.700 \text{ đồng}/m^2 = 91.324.830 \text{ đồng}$; cây trồng trên đất có giá trị 49.800.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản: 1.895.088.000 đồng (một tỷ tám trăm chín mươi lăm triệu không trăm tám mươi tám nghìn đồng)

[6.3] Thấy rằng: Tài sản chung của ông Thạch L3 và bà Tăng Thị B có tổng giá trị 1.895.088.000 đồng (một tỷ tám trăm chín mươi lăm triệu không trăm tám mươi tám nghìn đồng), hiện nay bà B vẫn còn sống và đang quản lý tài sản và hiện nay nguyên đơn bà Á, bị đơn bà N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tha R cũng không có mặt ở nhóm S, Phường B, thị xã V và nguyên đơn yêu cầu phân chia di sản thừa kế là 50% phần tài sản của ông Thạch L3 là cha ruột nguyên đơn đã chết, không phải chia hết tài sản chung. Do đó không thể giao hiện vật cho các con ông L3 quản lý mà cần giao giá trị phần tài sản của ông L3.

Giá trị tài sản là $1.895.088.000 \text{ đồng} : 2 = 947.544.000 \text{ đồng}$; Như vậy giá trị tài sản tranh chấp 947.544.000 đồng (chín trăm bốn mươi bảy triệu năm trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) chia cho 4 kỹ phần bằng nhau, mỗi kỹ phần được nhận 236.886.000 đồng/01 kỹ phần được nhận.

Tài sản chung cần giao toàn bộ lại cho bà Tăng Thị B quản lý, định đoạt và bà B có nghĩa vụ giao lại giá trị tài sản theo kỹ phần mà các đương sự được nhận. Đối với bà Thạch Thị N và bà Thạch Thị Tha R hiện nay vắng mặt ở địa phương nên số tiền bà N và bà R được nhận sẽ tạm giao cho bà B quản lý, khi bà N và R có yêu cầu nhận số tiền nêu trên thì bà B có nghĩa vụ giao lại số tiền trên cho bà N và bà R.

Không chấp nhận nội phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn bà Thạch Thị N về phân chia di sản thừa kế và yêu cầu nhận bằng hiện vật.

Đối với thửa đất số 440, hiện ông Kim Văn L thuê một phần đất để trồng hoa màu, do Thạch Thị N cho thuê. Thửa đất số 484 hiện ông Đền Sà L1 và bà Sơn Thị L2 thuê, do Thạch Thị N cho thuê. Đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án bà B trình bày: Trường hợp Tòa án chia di sản thừa kế của chồng bà chết không để lại di

chúc, như vậy đối với hai người đang thuê đất, nếu chưa hết hạn thì gia đình bà B sẽ trả lại tiền thuê khi chưa đến hạn, tính ra còn thời hạn bao lâu thì quy ra tiền. Mặc khác trong quá trình giải quyết vụ án ông Kim Văn L, ông Đền Sà L1 và bà Sơn Thị L2 không có ý kiến hay yêu cầu gì. Do đó, nếu sau này các đương sự có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng một vụ kiện khác.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để khẳng định tài sản chung của bà Tăng Thị B và ông Thạch L3 1.895.088.000đồng : 2 = 947.544.000 đồng; số tiền 947.544.000 đồng chia cho 4 kỹ phần bằng nhau, mỗi kỹ phần được nhận 236.886.000 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

[8] Về chi phí tố tụng: Số tiền 30.754.000 đồng (ba mươi triệu bảy trăm năm mươi bốn nghìn đồng), đương sự phải chịu tương ứng với tỷ lệ di sản được thừa hưởng.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Thạch Thị Ngọc Á, bị đơn bà Thạch Thị N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thạch Thị Tha R phải chịu án phí trên tài sản được nhận theo quy định tại khoản 7 Điều 27, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tăng Thị B là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[10] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của vị Kiểm sát viên là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5; Khoản 5 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 157; Điều 158; Điều 165; Điều 166; Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 609, 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 660 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ Khoản 1 Điều 12; Khoản 7 Điều 27; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thạch Thị Ngọc Á về việc yêu cầu chia di sản thừa kế là tài sản của ông Thạch L3 (chết ngày 21/8/2021)

theo pháp luật.

2. Giao tài sản chung cho bà Tăng Thị B được quyền quản lý và định đoạt gồm:

* Thửa đất số 440, tờ bản đồ số 9 (bản đồ chính quy thửa 198, tờ bản đồ số 29) có số đo tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp thửa 417 có số đo 3,03m + 32,29m; giáp thửa 438 có số đo 39,10m, giáp thửa 439 có số đo 27,05m.

- Hướng Tây giáp thửa 441 có số đo 38,38m; giáp phần còn lại thửa 440 có số đo 44,03m + 65,79m + 3,02m.

- Hướng Nam giáp thửa 460 có số đo 64,15m.

- Hướng Bắc giáp đường bê tông có số đo 20,48m.

Tổng diện tích 3.770,0m² (loại đất ODT 200m²; BHK 3.570m²)

- Về tài sản trên đất: gồm 02 căn nhà: Căn nhà thứ nhất có chiều ngang 4,65m, dài 8,8m tổng diện tích 40,9m². Kết cấu: Nhà tường, vách tường, mái lợp tol xi măng, đòn tay gỗ, cửa gỗ, nền lót gạch men, xây dựng năm 2020; căn nhà thứ hai có chiều ngang 4,4m, chiều dài 8,8m. Tổng diện tích 38,9m². Kết cấu: mái lợp tol xi măng, đòn tay kẽm, vách gạch ống, nền xi măng, cửa gỗ xây dựng năm 2018.

- Về cây trồng trên đất: gồm 03 cây bồ đề loại A, 01 cây vú sữa loại B, 05 cây bạch đàn loại A, 02 cây mít loại A, 01 cây cao loại C, 04 cây dừa loại A, 01 cây dừa loại C, 02 cây trà loại A, 02 cây bạch đàn loại C, 01 cây còng loại A, 30 cây chuối loại A.

* Thửa đất 482, tờ bản đồ 9 (bản đồ chính quy thửa 257, tờ bản đồ 29) có số đo tứ cận như sau.

- Hướng Đông giáp thửa 460 có số đo 37,54m.

- Hướng Tây giáp thửa 483 có số đo 43,30m.

- Hướng Nam giáp thửa 484 có số đo 33,01m + 6,12m.

- Hướng Bắc giáp thửa 459 có số đo 38,06m.

Tổng diện tích 1.563,3m² loại đất BHK.

- Về cây trồng trên đất: gồm 07 cây bạch đàn loại A.

* Thửa đất số 484, tờ bản đồ số 29 (bản đồ chính quy thửa 257, tờ bản đồ 29) có số đo tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp thửa 460 có số đo 27,04m.

- Hướng Tây giáp phần còn lại thửa 484 có số đo 29,61m.

- Hướng Nam giáp thửa 507 có số đo 31,31m.

- Hướng Bắc giáp thửa 482 có số đo 31,01m.

Tổng diện tích 906,9m² loại đất BHK.

- Tài sản trên đất gồm: 01 mã đất diện tích ngang 7,8m, dài 12,3m, diện tích mã đất 92,3m²; 03 cây tra loại A, 03 cây tra loại C, 02 cây tràm bông vàng loại A, 03 cây cồng loại A, 01 bụi tre, 01 cây bạch đàn loại A, 01 cây dầu loại A, 01 cây sấu đầu loại A, 01 cây gòn loại A.

Tài sản chung trị giá 1.895.088.000 đồng : 2 = 947.544.000 đồng; Như vậy giá trị tài sản tranh chấp là 947.544.000 đồng (chín trăm bốn mươi bảy triệu năm trăm bốn mươi bốn nghìn đồng). Chia di sản của ông Thạch L3 thành 4 phần như sau: Kỳ phần thừa kế của bà Tăng Thị B với số tiền 236.886.000 đồng; Kỳ phần thừa kế của bà Thạch Thị Ngọc Á với số tiền 236.886.000 đồng; Kỳ phần thừa kế của bà Thạch Thị N với số tiền 236.886.000 đồng; Kỳ phần thừa kế của bà Thạch Thị Tha R với số tiền 236.886.000 đồng.

Buộc bà Tăng Thị B giao số tiền 236.886.000 đồng cho bà Thạch Thị Ngọc Á; giao số tiền 236.886.000 đồng cho bà Thạch Thị N; giao số tiền 236.886.000 đồng cho bà Thạch Thị Tha R. Do bà Thạch Thị N và bà Thạch Thị Tha R vắng địa phương nên tạm giao số tiền nêu cho bà Tăng Thị B quản lý, khi bà N và bà Tha R có yêu cầu thì bà Tăng Thị B có nghĩa vụ giao lại số tiền nêu trên cho bà N và bà Tha R.

(Vị trí, số đo tứ cận của phần đất được thể hiện cụ thể trong sơ đồ kèm theo bản án).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bà Thạch Thị Ngọc Á, bà Thạch Thị N, bà Thạch Thị Tha R có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng bà Tăng Thị B phải trả lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về chi phí tố tụng: Số tiền 30.754.000 đồng (ba mươi triệu bảy trăm năm mươi bốn nghìn đồng). Bà Tăng Thị B phải chịu 7.688.500 đồng; Bà Thạch Thị Ngọc Á phải chịu 7.688.500 đồng; Bà Thạch Thị N phải chịu 7.688.500 đồng; Bà Thạch Thị Tha R phải chịu 7.688.500 đồng. Do bà Á đã nộp tạm ứng trước nên bà B, bà N, bà Tha R phải có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền nêu trên bà Á.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn bà Thạch Thị Ngọc Á phải chịu 11.844.300 đồng (mười một triệu tám trăm bốn mươi bốn nghìn ba trăm đồng) án phí dân sự có giá ngạch trên tài sản được nhận. Bà Á được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.700.000 đồng (năm triệu bảy trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004461 ngày 31/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng, như vậy bà Á còn phải tiếp tục nộp 6.144.300 đồng (sáu triệu một trăm bốn mươi bốn nghìn ba trăm đồng).

- Bị đơn bà Thạch Thị N phải chịu 11.844.300 đồng (mười một triệu tám trăm bốn mươi bốn nghìn ba trăm đồng) án phí dân sự có giá ngạch trên tài sản được nhận.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thạch Thị Tha R phải chịu 11.844.300 đồng (mười một triệu tám trăm bốn mươi bốn nghìn ba trăm đồng) án phí dân sự có giá ngạch trên tài sản được nhận.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tăng Thị B là người cao tuổi nên được miễn án phí.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV&THA);
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Đương sự;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Chiêu Hùng